

PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: Giúp học sinh lớp Một học tốt phần hình thành các số trong môn Toán.

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Sáng kiến giúp giáo viên nâng cao chất lượng dạy và học phần hình thành các số. Phạm vi áp dụng sáng kiến là học sinh lớp Một.

3. Tác giả:

Họ và tên : Nguyễn Thị Nhuận - Nữ

Ngày sinh: 08 / 05 / 1987

Trình độ chuyên môn: ĐHTH

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên - Trường Tiểu học An Sơn

Điện thoại: 01629142347

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Tiểu học An Sơn - xã An Sơn - Huyện Nam Sách - Tỉnh Hải Dương. Điện thoại: 03203 754 959

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu: Trường Tiểu học An Sơn - xã An Sơn - Huyện Nam Sách - Tỉnh Hải Dương. Điện thoại: 03203 754 959

6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

Giáo viên phải nghiên cứu kỹ vị trí , nhiệm vụ, mục tiêu của bài dạy. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng phương pháp dạy học mới vào dạy toán để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh đồng thời tạo được hứng thú học tập cho các em trong mỗi tiết học.

Học sinh ham học hỏi, thích học môn Toán nói chung cũng như học phần hình thành các số trong môn Toán nói riêng.

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: tháng 9/2013

TÁC GIẢ

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

Nguyễn Thị Nhuận

TÓM TẮT NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến

Toán lớp 1 là giai đoạn 1 của chương trình môn Toán ở Tiểu học, chương trình Toán lớp 1 đã mở đầu cho việc dạy học các số tự nhiên, phép cộng, phép trừ. Đây là nền móng toán học để các em tiếp thu được các kiến thức cao hơn của toán học.

Việc dạy học các số, bắt đầu từ hình thành số được triển khai ngay từ lớp Một và trở thành một trong kiến thức trọng tâm của Toán 1. Qua thực tế giảng dạy, tôi thấy sau khi học xong phần hình thành số một số học sinh vận dụng vào làm toán còn hạn chế như đọc, viết số chưa thành thạo, còn nhầm lẫn giữa cách đọc số và viết số, không phân biệt được đâu là chục, đâu là đơn vị, đánh đồng số và chữ số, tính nhầm thì cộng số chục với số đơn vị, đặt tính sai....

2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến

Điều kiện : Để học sinh lớp Một nắm chắc cấu tạo số, mỗi khi đến lớp tôi đều phải xác định rõ mục tiêu bài dạy. Tổ chức linh hoạt các hình thức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và nội dung bài học.

Thời gian, đối tượng : Từ tháng 9 năm 2013, tôi đã tiến hành áp dụng, lựa chọn và đi sâu vào nghiên cứu biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Toán 1 phần hình thành các số với sáng kiến: " Giúp học sinh lớp Một học tốt phần hình thành các số trong môn Toán". Đến năm học 2014- 2015 này, tôi tiến hành áp dụng sáng kiến vào đối tượng học sinh lớp 1D .

3. Nội dung sáng kiến

+ Tính mới, tính sáng tạo của sáng kiến : Trong quá trình giảng dạy khi áp dụng các giải pháp nêu trong sáng kiến, tôi đã xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng học sinh cần đạt cho học . Kiến thức toán lớp Một đơn giản, gần gũi với các em nên khi dạy học toán tôi đã gắn kiến thức của bài với kiến thức thực tế, gần gũi với cuộc sống của học sinh. Bên cạnh đó, tôi đã động viên học sinh tập suy nghĩ, tập quan sát, tập nói, tập diễn đạt theo cách riêng của mình. Học sinh lớp Một tư duy cụ thể, nên bộ đồ dùng học Toán 1 đã trở thành công cụ hữu

hiệu hình thành kiến thức cho học sinh. Nó đem kiến thức mới đến với các em một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất.

Dạy học các số ở lớp Một, cũng như dạy học các mạch kiến thức khác, đều cần theo phương pháp đổi mới phương pháp dạy học ở Tiểu học. Đó là phải tổ chức giờ học như là tổ chức các hoạt động học tập. Với nội dung dạy học các số, vốn đề cập đến các khái niệm trừu tượng còn quá khó đối với học sinh lớp 1, càng cần có phương pháp dạy học hiệu quả hơn.

4. Khẳng định giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến

Khẳng định được sự thành công của sáng kiến tôi lại tiến hành cho học sinh làm bài khảo sát thì thấy học sinh nắm chắc, ghi nhớ sâu được cấu tạo các số, đọc viết nhanh và chính xác các số.

5. Đề xuất và kiến nghị để thực hiện áp dụng và mở rộng sáng kiến

Đối với các cấp quản lý cần tạo điều kiện, quan tâm hơn nữa trong việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bổ sung, mua sắm thêm nhiều tài liệu để giúp giáo viên và học sinh tham khảo.

Sáng kiến này còn mang tính chủ quan, không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong được sự đóng góp tham gia của các đồng nghiệp để sáng kiến của tôi được áp dụng rộng rãi.

PHẦN 2

MÔ TẢ SÁNG KIẾN

1. Cơ sở lí luận.

Chương trình Toán lớp Một là một bộ phận của chương trình toán ở Tiểu học. Trong giai đoạn 1, chương trình Toán lớp Một đã mở đầu cho việc dạy học các số tự nhiên, phép cộng, phép trừ. Đây là nền móng toán học để các em tiếp thu được các kiến thức cao hơn của toán học.

Việc dạy học các số, bắt đầu từ hình thành số được triển khai ngay từ lớp Một và trở thành một trong kiến thức trọng tâm của Toán 1.

Biết đọc, viết số tự nhiên là chìa khoá đầu tiên đưa các em đến với kho tàng tri thức toán học. Kỹ năng đọc, viết, đếm các số là một trong những kỹ năng quan trọng cần thiết cho mọi người lao động. Việc giúp cho học sinh nắm được cấu tạo số là cơ sở ban đầu giúp các em tiếp cận với phép tính cộng, trừ các số tự nhiên.

2. Thực trạng của vấn đề.

2.1. Một số tồn tại.

Trong quá trình giảng dạy, tôi thấy học sinh khi học phần hình thành số còn mắc một số sai lầm sau:

2.1.1. Về đọc số.

- Đọc ngọng: Với các số có hàng đơn vị và hàng chục bằng 5, khi đọc HS vẫn bị nhầm lẫn giữa “năm” và “lăm”

- Đọc các số có hai chữ số, các em chỉ đọc tên của từng chữ số chứ không đọc theo cấu tạo của số.

VD: 34 đọc là “ba tư”

- Không đọc được liên tiếp các số khi có chữ số hàng chục thay đổi.

VD: Học sinh đọc được từ 30, 31, 32,, 39 nhưng không đọc tiếp được số liền sau 39 là 40.

2.1.2. Viết số.

- Còn viết theo cách phát âm từng tiếng

VD: Khi viết số “hai mươi bảy” một số em viết là 207.

2.1.3. Cấu tạo số.

- Còn nhầm lẫn giữa chục và đơn vị

Khi phân tích số 64, có HS điền như sau :

64 gồm 6 chục và 4 đơn vị.

đ

64 gồm 60 và 4

s

64 gồm 6 và 4.

đ

2.1.4. Thực hiện phép tính.

a) Tính nhẩm: $35 + 4 = ?$

* Trường hợp 1: Học sinh lấy chữ số hàng chục (3) cộng với chữ số hàng đơn vị (4)

* Trường hợp 2: Học sinh lấy $5 + 4$ sau đó lại lấy tiếp $3 + 4$.

b) Đặt tính rồi tính. Với phép tính $6 + 12$. HS đặt

$$\begin{array}{r} 6 \\ + \\ 12 \\ \hline 72 \end{array}$$

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Về phía giáo viên:

Một số giáo viên còn chậm trong việc đổi mới phương pháp dạy học, lúng túng trong việc vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, chưa phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh, đưa kiến thức đến với các em một cách thụ động. Chưa khắc sâu cách đọc số, cấu tạo số, sự khác nhau giữa cách đọc số và viết số.

2.2.2. Về phía học sinh

Một số em chưa nắm chắc cấu tạo số nên khi làm bài tập có em vẫn làm sai.

Tất cả những nguyên nhân trên làm ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình học toán của học sinh.

3. Các giải pháp cụ thể .

3.1. Nội dung chương trình

Mạch số học được học nhiều hơn cả chiếm 80% chương trình. Nội dung dạy học các số ở Toán 1 được sắp xếp theo trình tự sau:

Các số 1, 2, 3, 4, 5

Các số 6, 7, 8, 9

Số 0

Số 10

Một chục

Mười một, mười hai, mười chín, hai mươi.

Các số tròn chục

Các số có 2 chữ số

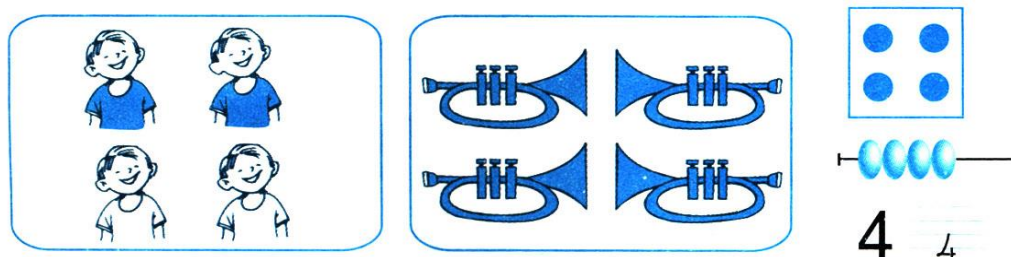
Số 100

3.2. Một số biện pháp giúp học sinh lớp Một học tốt phần hình thành số:

3.2.1. Hình thành các số từ 1 đến 5.

Các số 1, 2, 3, 4, 5 được hình thành theo quan điểm bản số: Học sinh quan sát các nhóm đối tượng khác nhau, nhận xét rằng các nhóm đối tượng đều có cùng số phần tử. Giáo viên giới thiệu số và chữ số biểu thị số đó.

*Ví dụ: Khi hình thành số 4, tôi đã tiến hành như sau:



Cho học sinh quan sát các nhóm đồ vật khác nhau nhưng có cùng số phần tử: có 4 em bé, có 4 cái kèn, có 4 chấm tròn, có 4 con tính. Từ đó, học sinh nhận xét các nhóm vật đều có số lượng là 4.

Giáo viên giới thiệu: Để chỉ số lượng của mỗi nhóm vật đó người ta dùng số 4.

Số 4 được viết bằng chữ số 4. Từ đó hình thành số 4.

3.2.2. Hình thành các số từ 6 đến 10.

Các số từ 6, 7, 8, 9, 10 được hình thành theo cách “thêm 1 vào số đứng trước nó” và ít dùng “trực quan” hơn ở giai đoạn 5 số đầu: có 5 thêm 1 bằng 6, có 8 thêm 1 bằng 9,...Theo cách “lập số” như vậy học sinh vừa đếm được “số lượng” của “nhóm vật”, vừa nhận biết được thứ tự của số trong phạm vi các số đã học.

Ví dụ: Để hình thành số 8 tôi đã hướng dẫn học sinh như sau

Cho học sinh lấy 7 hình vuông, rồi lấy thêm 1 hình vuông nữa. Hỏi có tất cả mấy hình vuông?

Các em “đếm được” có 8 hình vuông, 8 que tính. Từ đó hình thành số 8.

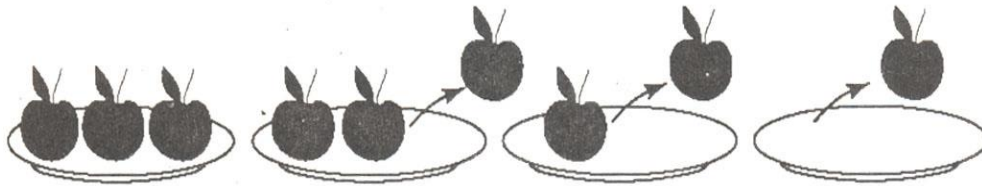
Thông qua việc đếm, học sinh nhận biết được “bảy” đứng liền trước “tám” và “tám” đứng liền sau “bảy” trong dãy số đang học.

3.2.3. Hình thành số 0.

Số “không” là một số “đặc biệt”, khó nhận biết với học sinh lớp 1.

Số 0 được hình thành theo cách có một số đồ vật, lần lượt bớt dần mỗi lần 1 đồ vật, cho đến khi không còn đồ vật nào, khi đó nói có “không” đồ vật, viết là 0..

Để hình thành số 0 tôi đã hướng dẫn các em thao tác trên vật thật:



Có 1 đĩa đựng 3 quả cam. (Cho học sinh đếm có 3 quả cam). Lấy ra 1 quả cam, trên đĩa còn 2 quả cam. Tiếp tục lấy ra 1 quả cam, trên đĩa còn 1 quả cam. Lấy ra nốt 1 quả cam, trên đĩa không còn quả cam nào. Lúc này, học sinh thấy trên đĩa có “không” quả cam). Từ đó, nhờ kinh nghiệm và các kiến thức đã học về số 3, số 2, số 1 để nhận biết số 0

3.2.4. Hình thành một chục (10).

Khi dạy HS về một chục, tôi hướng dẫn học sinh tiến hành hoạt động bó 10 que tính lại thành 1 bó, ta được 1 chục que tính.

Đồng thời tôi cũng cho học sinh thao tác bó 9 que tính thêm 1 que nữa tạo thành 1 chục (10) que tính, để học sinh nhận thấy rằng 10 là số liền sau của 9.

3.2.5. Hình thành các số từ 11 đến 19.

Việc hình thành các số có hai chữ số chủ yếu vẫn dựa vào” bản số của tập hợp”(đếm số lượng phần tử trong một nhóm đồ vật). Thông qua các mô hình

trực quan gồm 1 bó que tính và các que tính rời, học sinh sẽ hiểu rõ về cách viết, cấu tạo và ý nghĩa các chữ số trong cách viết các số từ 11 đến 19.

Ví dụ: Để hình thành số 11, tôi hướng dẫn học sinh lấy một thẻ chục que tính với 1 que tính rời thì được “mười một” que tính. Để ghi lại số lượng 11 que tính người ta dùng số 11. Từ đó hình thành số 11. Số 11 được ghi bằng hai chữ số 1. Lúc này học sinh bước đầu làm quen với cấu tạo thập phân của số có hai chữ số, các em biết được số 11 gồm 1 chục ứng với bó một chục que tính và 1 đơn vị ứng với 1 que tính rời. Học sinh nhận biết giá trị theo vị trí của các chữ số nhờ việc phân tích chục và đơn vị trong khi hình thành cách viết và đọc số.

3.2.6. Hình thành các số tròn chục.

Các số tròn chục: 2 chục, 3 chục, 4 chục,..., 9 chục sẽ tương ứng với các hình ảnh về 2 bó, 3 bó, 4 bó,..., 9 bó mà mỗi bó gồm 10 que tính. Trên cơ sở này, mà học sinh sẽ hiểu về cấu tạo thập phân của số tròn chục.

Ví dụ : Khi hình thành "Hai mươi. Hai chục ", tôi đã hướng dẫn như sau:

Lấy 1 thẻ chục que tính, lấy thêm 1 thẻ chục que tính nữa.

Giáo viên hỏi: Được tất cả bao nhiêu que tính? (2 chục que, 20 que)

Học sinh giải thích: 1 chục que tính và 1 chục que tính là hai chục que tính

Hoặc 10 que tính thêm 10 que tính là 20 que tính

Để chỉ 20 que tính ta viết số 20.

Giáo viên giúp học sinh phân tích cấu tạo số 20. Học sinh nắm được 20 gồm 2 chục và 0 đơn vị. Từ đó học sinh rút ra nhận xét: Các số tròn chục đều có chữ số hàng đơn vị bằng 0.

3.2.7. Hình thành các số từ 21 đến 99.

Các số giữa các số tròn chục được hình thành theo cách gộp một số chục với một số đơn vị.

Quá trình hình thành các số từ 21 đến 99 được tiến hành theo ba “đoạn số”: Các số từ 20 đến 50, từ 50 đến 70, từ 70 đến 99. Việc chia thành các đoạn số như vậy nhằm giúp học sinh nhận biết các số có hai chữ số phù hợp với sự tiếp thu của các em (từ đơn giản đến phức tạp).

Ví dụ: Hình thành số 68:

Cho học sinh lấy 6 thẻ “1 chục que tính” và 8 que tính rời. Học sinh đếm được 6 chục que tính và tám que tính là sáu mươi tám que tính. Từ đó hình thành số 68.

Khi tổ chức các hoạt động với sự trợ giúp của hình minh họa trong sách giáo khoa hoặc của Bộ đồ dùng Toán 1, để giúp học sinh nhận ra số lượng của các số trong mỗi “đoạn số” giáo viên cần quan tâm đến hoạt động đếm trong từng chục, nhờ đếm mà học sinh nhận biết “thứ tự” của các số mới học.

Đây là nguyên tắc hình thành số xuyên suốt trong chương trình toán tiểu học. Hình thành số theo cách trên thể hiện rõ cấu tạo của số có nhiều chữ số.

Trong khi dạy hình thành số, tôi đã hướng dẫn học sinh biết phân tích cấu tạo số, đồng thời biết cách hình thành số từ các số chục, số đơn vị đã cho. Đó là hai thao tác ngược nhau và liên hệ chặt chẽ với nhau.

Ví dụ:

78 gồm 7 chục và 8 đơn vị, ta có $78 = 70 + 8$

3 chục và 6 đơn vị, ta có $30 + 6 = 36$.

3.2.8. Hình thành số 100.

Số Một trăm (100) được hình thành như là số liền sau của số 99. Số 100 được viết bằng cách viết chữ số 1 trước, sau đó viết tiếp hai chữ số 0 vào bên phải chữ số 1 (việc hướng dẫn mang tính áp đặt, không giải thích ý nghĩa cách viết). Nội dung này các em sẽ tìm hiểu kĩ ở lớp 2.

Như vậy, các số từ 11 đến 100 được hình thành theo cách dựa vào các số tròn chục.

*Trong quá trình học khái niệm số, giáo viên cần tập cho học sinh viết các chữ số đúng qui định.

Để ghi lại “số mười”, người ta dùng hai chữ số 1 và 0. Chữ số 1 viết trước, rồi viết chữ số 0 vào bên phải 1.

Khi học sinh viết các số có hai chữ số. Ví dụ: viết số “bốn mươi hai” thì viết chữ số 4 trước, sau đó viết chữ số 2 vào bên phải số 4. Lưu ý, học sinh có thể mắc sai lầm như viết thành 402. (Tôi sẽ cho học sinh nhớ lại số 42 là số có hai chữ số, 42 gồm 4 chục và 2 đơn vị; “mười” là biểu thị chữ số 4 ở hàng chục

chứ không phải thêm 0 nên phải viết 4 ở hàng chục (viết trước) và viết 2 ở hàng đơn vị (viết sát sau 4). Bắt đầu từ số 20, cần lưu ý học sinh trong cách đọc các số đã có sự chuyển đổi về âm tiết (chuyển từ mười thành mười).

Ví dụ : số 13 đọc là “mười ba”, nhưng số 23 đọc là “hai mươi ba”.

Cần lưu ý học sinh cách đọc các số có hai chữ số có hàng đơn vị là 1, 4 tôi đã hướng dẫn đọc như sau: Các số có hai chữ số từ số 20 trở đi thì các số có hàng đơn vị là 1 thì đọc là “mốt”, 4 thì đọc là “tư”.

Chú ý sửa lỗi phát âm (nói ngọng) cho học sinh. Khi dạy các số có chữ số hàng đơn vị hay hàng chục là 5, tôi thấy học sinh còn nói ngọng. Để khắc phục những lỗi này tôi đã hướng dẫn các em ghi nhớ : Số 5 có 1 chữ số đọc là “năm”. Các số có hai chữ số mà hàng đơn vị có chữ số 5 ta đọc là “lăm”, hàng chục có chữ số 5 đọc là “năm”.

Dạy học đếm là một hoạt động quan trọng trong quá trình hình thành số. Khi dạy hình thành số muốn đạt kết quả, cần phải dạy học sinh tập đếm, đếm để hình thành, củng cố biểu tượng về số.

Quy tắc đếm là: không đếm sót (đối tượng nào cũng được đếm), không đếm thừa, không đếm lặp lại (không chỉ tay vào một đối tượng 2 lần).

Tôi đã cho học sinh được làm một số dạng bài tập khác nhau như:

+ Đếm bắt đầu từ một: 1, 2, 3, 4...

+ Đếm tiếp, bắt đầu từ một số nào đó, chẳng hạn, đếm tiếp từ ba mươi bảy: 37, 38, 39, 40, 41,...

4. Hiệu quả của sáng kiến kinh nghiệm.

Qua kết quả khảo sát học sinh lớp 1D , tôi thấy các em đều đã đọc viết tốt các số và nắm chắc cấu tạo các số. Tỷ lệ học sinh đọc viết số đúng, nhanh tương đối cao, đặc biệt các em đã vận dụng vào tính và đặt tính rất tốt.

Với các biện pháp như tôi đã trình bày ở trên và được thực tế kiểm nghiệm, tôi thấy đa số học sinh đều làm tốt các bài tập về số và hứng thú hơn trong mỗi giờ học toán.

PHẦN 3

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua nghiên cứu và dạy thực nghiệm trên lớp tôi đã tự rút ra một vài kinh nghiệm cho bản thân như sau:

- Mỗi giáo viên cần nghiên cứu kĩ bài dạy trước khi lên lớp.
- Giáo viên cần lấy học sinh làm trung tâm và cũng tùy đối tượng học sinh mà vận dụng phương pháp cho phù hợp. Học sinh phải hoạt động, tìm tòi, phát hiện, hình thành kiến thức cho riêng mình, giáo viên chỉ là người hướng dẫn, tổ chức các hoạt động học cho học sinh.
- Giáo viên cần tích cực làm và sử dụng đồ dùng dạy học như tranh, ảnh, mô hình trong các tiết dạy.
- Ngay từ đầu giáo viên cần hướng dẫn kỹ học sinh nắm chắc cấu tạo số để khi vận dụng vào thực hiện phép cộng, trừ học sinh không đặt tính sai và tính nhầm giữa các hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh khi so sánh số có hai chữ số.
- coi trọng kỹ năng đếm. Biết đếm xuôi, đếm ngược dãy số học sinh sẽ nắm được thứ tự các số. Từ đó giúp học sinh so sánh số dễ dàng hơn.
- Giáo viên phải thực sự tâm huyết với nghề, yêu thương quan tâm tới học sinh. Cần tôn trọng những ý kiến của các em, gợi mở sự sáng tạo của các em, tránh áp đặt kiến thức, luôn khích lệ các em trong học toán.

2. Khuyến nghị:

2.1. Giáo viên:

- Tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn .
- Cần tiếp thu kết quả nghiên cứu của các nhà giáo dục về phương pháp dạy toán, mạnh dạn áp dụng vào lớp mình giảng dạy một cách linh hoạt để đúc rút kinh nghiệm cho bản thân và đồng nghiệp.
- Không ngừng học hỏi, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Gần gũi, tìm hiểu tâm lí học sinh nhằm thúc đẩy ý thức thích học, tự giác học tập của từng em.

2.2. Đối với các cấp quản lí:

- Nhà trường cần đầu tư thêm các tài liệu thiết thực và đồ dùng dạy học để giờ học thêm sinh động.

- Tăng cường chỉ đạo chuyên đề, hội thảo toàn trường giúp giáo viên nắm được nội dung chương trình, có phương pháp tốt để giảng dạy và nâng cao chất lượng.

Qua quá trình trực tiếp giảng dạy, mặc dù kinh nghiệm chưa nhiều, song tôi mạnh dạn tìm hiểu và đưa ra kinh nghiệm của mình về hình thành các số cho học sinh lớp Một, chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế. Tôi rất mong được sự tham gia góp ý của các đồng nghiệp để sáng kiến của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Phần 1 - THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN	1
Tóm tắt nội dung sáng kiến	2
	3
Phần 2: MÔ TẢ SÁNG KIẾN	
1. Cơ sở lý luận	4
2. Thực trạng của vấn đề	4
2.1. Một số tồn tại.	5
2.2. Nguyên nhân	5
3. Các giải pháp cụ thể	5
3.1. Nội dung chương trình	5
3.2. Một số biện pháp giúp học sinh Một học tốt phần hình số.	6
4. Hiệu quả của sáng kiến	10
Phần 3 - KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	
1. Kết luận	11
2. Khuyến nghị	12